

Bản án số: **08/2026/HS-ST**

Ngày: 19 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quan Văn Ngụ
2. Ông Lương Quang Toán

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Khánh Linh – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến kết nối điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Tuyên Quang để xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 02/2026/TLST-HS, ngày 14 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 01 năm 2026 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/HSST - QĐ, ngày 10/02/2026; số 04/2026/HSST - QĐ, ngày 11/3/2026 đối với bị cáo:

Đặng Văn V, sinh ngày 06/7/2006 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn C, sinh năm 1987 và bà: Lường Thị Ng, sinh năm 1988 (đã chết); vợ: chưa có; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2025 (con chung với chị Triệu Hoàng Ph, sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Tuyên Quang (*có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Tuyên Quang*).

- Bị hại:

1. Bà Chu Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn X, xã H, tỉnh Tuyên Quang (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Lộc Văn Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Linh Đức S, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang (có Đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Ông Triệu Văn M, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang (có Đơn xin xét xử vắng mặt).
3. Chị Triệu Hoàng Ph, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại điểm cầu trung tâm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/8/2025 tại thôn X, xã H, tỉnh Tuyên Quang và ngày 06/10/2025 tại thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang, Đặng Văn V đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần 01: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 06/8/2025, Đặng Văn V một mình điều khiển xe mô tô biển số 99H4-3017 (của Vinh) từ nhà tại thôn K, xã H, tỉnh Tuyên Quang đi đến thôn X, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó V đi đến cửa hàng sửa xe của ông Phùng Thanh C sinh năm 1975, tại thôn X, xã H bán chiếc xe mô tô này cho ông C lấy 1.000.000đ tiêu xài cá nhân hết. Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, V đi bộ ở khu vực đường bê tông thôn X phát hiện xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn nâu, biển số 22N1-3647 của bà Chu Thị N, sinh năm 1981, trú tại thôn X, xã H, cầm sẵn chìa khóa ở xe để ở sân trước của nhà bà N. V quan sát thấy không có người trông coi, quản lý nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền. V tiến đến xe mô tô biển số 22N1-3647 nổ máy, điều khiển xe mô tô đi theo hướng xã H đi xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Khi đến khu vực thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang, V dừng xe ở ven đường, mở cốp xe lấy chiếc tua vít theo xe ở trong cốp xe tháo 02 cánh yếm màu trắng bên trái và bên phải giấu ở lề đường, mục đích để thay đổi nhận dạng xe đem đi tiêu thụ. Sau đó, V điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của ông C để bán chiếc xe mô tô vừa trộm được, tuy nhiên ông C từ chối mua xe mô tô này. Do không bán được, Đặng Văn V điều khiển xe mô tô này đi đến khu vực công bia tường niệm anh hùng liệt sỹ thuộc thôn X, xã H để lại ở đó rồi về nhà. Đến 23 giờ 15 phút ngày 06/8/2025, bà Chu Thị N phát hiện bị mất trộm nên đã đến Công an xã H, tỉnh Tuyên Quang để trình báo vụ việc.

Lần 02: Ngày 03/10/2025, Đặng Văn V, ký hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần dịch vụ Giao hàng nhanh để giao hàng cho Công ty. Sau khi ký hợp đồng, V được phân công đến nơi tập kết hàng của Bưu cục 305 tại thôn 13, xã X, tỉnh Tuyên Quang để nhận, giao hàng khu vực xã X. Ngày 05/10/2025, V đã nhận hàng đi giao, thu được 6.469.000đ tiền hàng nhưng V chưa nộp tiền vào tài khoản của Công ty mà sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân. Khoảng 20 giờ ngày 05/10/2025, V một mình điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển số 33P3-8429 của ông Triệu Văn M, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang do V mượn để làm phương tiện đi giao hàng đi đến cửa hàng cầm đồ tại thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang cầm cố chiếc xe mô tô này cho anh Linh Đức S, sinh năm 1991, trú tại thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang được số tiền

2.000.000đ thỏa thuận mức lãi xuất 2.700đ/1.000.000đ/01 ngày nhưng không đủ tiền trả Công ty.

Khoảng 11 giờ ngày 06/10/2025, V một mình đi bộ đến khu vực bến xe Na Hang thuộc thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang mục đích tìm xe mô tô để trộm cắp. Vinh thấy tại trước cửa quán cơm rang mì xào Hải Tám có một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, màu sơn Trắng Đen, biển số 98B1-279.08 của ông Lộc Văn Th đang dựng đỗ trên vỉa hè, chìa khóa vẫn đang cắm ổ khóa xe, quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên V nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này. V đi đến vị trí xe đang dựng đỗ, ngồi lên xe bật chìa khóa lấy trộm xe rồi điều khiển chiếc xe đi đến cửa hàng cầm đồ tiếp tục cầm cố chiếc xe mô tô này cho anh Linh Đức S được số tiền 3.000.000đ thỏa thuận mức lãi xuất 2.700đ/1.000.000đ/01 ngày. Sau đó, V đi bộ về nơi tập kết hàng, do chưa đủ tiền để trả Công ty nên V xin dời thời hạn nộp lại và nhờ người nhà trả tiền cho Công ty và được Công ty đồng ý. Ngày 07/10/2025, chị Triệu Hoàng Ph (đang chung sống như vợ chồng với V) đã thay V hoàn lại số tiền 6.469.000đ cho Công ty. Số tiền cầm cố hai xe mô tô có được V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS ngày 29/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với xe mô tô biển số 22N1-3647, kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu nâu, đăng ký lần đầu tháng 8 năm 2010, biển số 22N1-3647 là: 2.666.700đ.

- 01 bộ cánh yếm xe Hona là: 433.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản mà Đặng Văn V trộm cắp ngày 06/8/2025 là 3.099.700đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS, ngày 30/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND xã X, đối với xe mô tô, biển số 98B1-297.08 và xe mô tô, biển số 33P3-8429 kết luận:

- Xe mô tô, biển số 98B1-297.08, có giá trị là: 3.950.000 đồng.

- Xe mô tô, biển số 33P3-8429, có giá trị là: 950.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1501/KL-KTHS ngày 11/11/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đối với xe mô tô biển số 33P3-8429 kết luận:

Phát hiện dấu vết mài xóa, đóng lại ký tự tại vị trí đóng hàng số khung, số máy của xe mô tô mẫu cần giám định. Không xác định được hàng số khung, số máy nguyên thủy của xe này.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSKV3, ngày 13/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Đặng Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đặng Văn V theo tội danh, điều luật đã nêu trong bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đặng Văn V phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn V từ 01

(Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (06/10/2025).

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo Đặng Văn V.

- Về vật chứng, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự:

+ Trả lại cho ông Lộc Văn Th 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, biển số 98B1 – 297.08 đã qua sử dụng + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026875 mang tên chủ xe Nguyễn Văn Bình, biển số đăng ký 98B1 – 297.08.

+ Trả lại cho ông Triệu Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 33P3 – 8429 đã qua sử dụng + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011751 mang tên chủ xe là Nguyễn Thị Trà My, biển số đăng ký 33P3 - 8429 + 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe gắn máy số 0963038 mang tên Nguyễn Thị Trà My.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Văn V, đồng thời tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai do ham chơi, lười lao động nên trưa ngày 06/8/2025 bị cáo đã đi bộ đến khu vực thôn X, xã H, tỉnh Tuyên Quang lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy biển số 22N1 – 3647 của bà Chu Thị N với mục đích đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Trên đường đem xe đi tiêu thụ, khi đi đến khu vực thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang bị cáo đã dùng tua vít tháo 02 cánh yếm của xe giấu ở lề đường với mục đích để thay đổi nhận dạng của xe nhằm tránh bị phát hiện. Sau đó, do không tiêu thụ được nên bị cáo đã điều khiển xe máy đến khu vực cổng bia tưởng niệm anh hùng liệt sỹ thuộc thôn X, xã H để xe ở đó rồi đi về nhà. Đến ngày 06/10/2025, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe máy biển số 98B1 – 297.08 của ông Lộc Văn Th tại khu vực bến xe khách Na Hang thuộc thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang đem đến cửa hàng cầm đồ của gia đình anh Linh Đức S cầm cố chiếc xe trên lấy số tiền 3.000.000đ để tiêu xài cá nhân. Sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã nhờ chị Triệu Hoàng Ph (hiện đang chung sống như vợ chồng và đã có 02 con chung với bị cáo) bồi thường cánh yếm xe máy cho bà Chu Thị N. Trình bày Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Văn V còn được chứng minh bằng Biên bản khám nghiệm hiện trường; vật chứng thu giữ;

các Kết luận định giá tài sản; lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, do đó có đủ cơ sở xác định:

Ngày 06/8/2025 tại thôn X, xã H, tỉnh Tuyên Quang và ngày 06/10/2025 tại thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang, Đặng Văn V đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản 7.049.700đ, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 13 giờ ngày 06/8/2025 tại thôn X, xã H, tỉnh Tuyên Quang, Đặng Văn V có hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 22N1-3647 trị giá 3.099.700đ của bà Chu Thị N.

Lần 2: Khoảng 11 giờ ngày 06/10/2025 tại thôn 8, xã X, tỉnh Tuyên Quang, Đặng Văn V có hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 98B1-297.08 trị giá 3.950.000đ của ông Lộc Văn Th.

Hành vi của bị cáo Đặng Văn V đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách lén lút với mục đích để trục lợi cá nhân gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bản thân không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động để người thân bồi thường cho người bị hại để sửa chữa, khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số nên trình độ nhận thức pháp luật một phần còn bị hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo để Hội đồng xét xử quyết định mức án cho phù hợp.

[4] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:*

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi chiếm đoạt chiếc xe máy biển số 98B1 – 297.08 của ông Lộc Văn Th bị cáo đã đem xe máy và giấy tờ xe đến cầm cố tại cửa hàng cầm đồ của anh Linh Đức S lấy số tiền 3.000.000đ. Ngoài ra, trước đó bị cáo còn cầm cố chiếc xe máy biển số 33P3 – 8429 mượn của ông Triệu Văn M cùng giấy tờ xe cho anh Linh Đức S lấy số tiền 2.000.000đ. Khi nhận cầm cố 02 chiếc xe máy trên anh Linh Đức S không biết đó là tài sản bị cáo trộm cắp và tài sản bị cáo mượn của người khác. Quá trình điều tra anh Linh Đức S yêu cầu bị cáo V phải hoàn trả số tiền 5.000.000đ. Tuy nhiên, trong Đơn xin xét xử vắng mặt, anh Linh Đức S thay đổi ý kiến, không yêu cầu bị cáo Đặng Văn V phải bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề bồi thường dân sự giữa bị cáo và anh Linh Đức S.

Đối với việc chị Triệu Hoàng Ph (chung sống như vợ chồng với bị cáo Vinh) chi tiền để mua mới, thay thế cánh yếm xe máy cho bà Chu Thị N nhưng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại tiền. Các bị hại Chu Thị N, Lộc Văn Th cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Linh Đức S 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, biển số 98B1 – 297.08 đã qua sử dụng + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026875 mang tên chủ xe Nguyễn Văn Bình, được xác định là tài sản hợp pháp của ông Lộc Văn Th; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 33P3 – 8429 đã qua sử dụng + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011751 mang tên chủ xe là Nguyễn Thị Trà My, biển số đăng ký 33P3 - 8429 + 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe gắn máy số 0963038 mang tên Nguyễn Thị Trà My, được xác định là tài sản hợp pháp của ông Triệu Văn M. Vì vậy, cần tuyên trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu là phù hợp.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo Đặng Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi cầm cố xe mô tô biển số 33P3-8429 mà Đặng Văn V mượn của ông Triệu Văn M khi không được sự đồng ý của ông Ma có dấu hiệu phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, xe mô tô biển số 33P3-8429 trị giá 950.000đ dưới 4.000.000đ, bản thân bị cáo Đặng Văn V chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc bị kết án về

tội Trộm cắp tài sản hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168,169,170,171,172,173,174 và 290 của Bộ luật Hình sự nên không cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã chuyển tài liệu liên quan đến hành vi vi phạm của Đặng Văn V đến Công an xã Nà Hang xem xét, xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với nhân thân của Đặng Văn V ghi nhận có con với chị Triệu Hoàng Ph, sinh ngày 10/12/2007, cư trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Con chung của V và chị Ph, sinh ngày 26/3/2022, chị Triệu Hoàng Ph mới chỉ được 14 tuổi 03 tháng 16 ngày, V mới chỉ được 15 tuổi 08 tháng 20 ngày. Thời điểm V đủ 18 tuổi chị Ph đã trên 16 tuổi. Chị Ph và V đều tự nguyện quan hệ tình dục nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi.

Đối với hành vi của anh Linh Đức S, nhận cầm cố tài sản tính lãi suất 2.700đ/1.000.000đ/01 ngày (*trương đương 98,55%/ 01 năm gấp 4,92 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự*) tài sản cầm cố là xe mô tô, không trùng khớp với thông tin cá nhân của bị cáo V, bị cáo V cũng không có giấy ủy quyền cũng như các giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh mình là chủ sở hữu hợp pháp tài sản cầm cố nhưng anh S vẫn nhận cầm cố tài sản là hành vi vi phạm hành chính đã bị Công an xã X, tỉnh Tuyên Quang ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ – XPHC, ngày 19/12/2025 với số tiền 7.500.000đ và số 16/QĐ – XPHC, ngày 29/12/2025 với số tiền phạt 15.000.000đ.

Do đó, Hội đồng xét xử cũng không đề cập xử lý đối với các vấn đề nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Đặng Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. *Về hình phạt:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn V 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (06/10/2025).

2. *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự:

- Trả lại cho ông Lộc Văn Th 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, biển số 98B1 – 297.08 đã qua sử dụng + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026875 mang tên chủ xe Nguyễn Văn Bình, biển số đăng ký 98B1 – 297.08.

- Trả lại cho ông Triệu Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 33P3 – 8429 đã qua sử dụng + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011751 mang tên chủ xe là Nguyễn Thị Trà My, biển số đăng ký 33P3 – 8429 + 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe gắn máy số 0963038 mang tên Nguyễn Thị Trà My.

(*Tình trạng các vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Phòng Thi hành án khu vực 3 - Tuyên Quang*).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Văn V.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo Đặng Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại bà Chu Thị N, ông Lộc Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Hoàng Ph được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn M, anh Linh Đức S được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HSVA, HSTHAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San